



Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

## 18. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH SINH HỌC

### a) Các chuyên ngành (Specialization):

- |                                                             |                                                |
|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 18.1. Thực vật học (Botany)                                 | 18.15. Sinh học thực phẩm (Food Biology)       |
| 18.2. Động vật học (Zoology)                                | 18.16. Sinh học phân tử (Molecular Biology)    |
| 18.3. Ký sinh trùng học (Parasitology)                      | 18.17. Nhân chủng học (Anthropology)           |
| 18.4. Côn trùng học (Entomology)                            | 18.18. Công nghệ sinh học (Biotechnology)      |
| 18.5. Sinh thái học (Ecology)                               | 18.19. Sinh học đất (Soil Biology)             |
| 18.6. Vi sinh vật học (Microbiology)                        | 18.20. Tin sinh học (Bioinformatics)           |
| 18.7. Sinh lý người và động vật (Human & Animal Physiology) | 18.21. Sinh học bảo tồn (Conservation Biology) |
| 18.8. Sinh lý thực vật (Plant Physiology)                   | 18.22. Sinh nông học (Agrobiology)             |
| 18.9. Hóa sinh học (Biochemistry)                           | 18.23. Sinh y học (Medical Biology)            |
| 18.10. Lý sinh học (Biophysics)                             | 18.24. Sinh dược học (Pharmaceutical Biology)  |
| 18.11. Di truyền học (Genetics)                             |                                                |
| 18.12. Tế bào, mô, phôi (Cytology, Hystology & Embryology)  |                                                |
| 18.13. Thủy sinh vật học (Hydrobiology)                     |                                                |
| 18.14. Sinh học môi trường (Environmental Biology)          |                                                |

### b) Danh mục các tạp chí được tính điểm:

| Số TT | Tên tạp chí                                    | Chỉ số ISSN | Loại    | Cơ quan xuất bản                                                                                       | Điểm                                    |
|-------|------------------------------------------------|-------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1.    | Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế *     |             | Tạp chí | SCIE, IF $\geq 2$ nhóm $\frac{1}{2}$ đầu Q1, đã được trích dẫn $\geq 20$ lần (không tính tự trích dẫn) | 2,0–3,0                                 |
|       |                                                |             | Tạp chí | SCIE thuộc nhóm Q1, Q2                                                                                 | 1,0– 2,0                                |
|       |                                                |             | Tạp chí | SCIE, Scopus thuộc nhóm Q3, Q4                                                                         | 1,0 – 1,5                               |
| 2.    | Các tạp chí khoa học quốc tế khác **           |             | Tạp chí | Do HĐGS ngành quyết định từng trường hợp cụ thể.                                                       | 0 – 1,0 Online<br>0 – 0,75 Không online |
| 3.    | Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế |             | Kỷ yếu  | Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN.                       | 0 – 1,0                                 |



Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

|     |                                                                                                     |                                                        |                |                                                                                                   |                                                 |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 4.  | Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia                                                     |                                                        | Kỷ yếu         | Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phân biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN. | 0 – 0,5                                         |
| 5.  | Vietnam Journal of Science and Technology (Tên cũ: Khoa học và Công nghệ)                           | 0866-708X<br>2525-2518                                 | Tạp chí<br>ACI | Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam                                                                       | 0 – 1,0<br>0 – 1,25 từ 2020                     |
| 6.  | VNU Journal of Science (Cũ: Tạp chí Khoa học hoặc Tạp chí Khoa học: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ) | 0866-8612<br>(cũ)<br>2615-9260<br>e-2588-1086<br>(mới) | Tạp chí        | Đại học Quốc gia Hà Nội                                                                           | 0 – 1,0                                         |
| 7.  | Phát triển Khoa học – Công nghệ                                                                     | 1859-0128                                              | Tạp chí        | ĐH Quốc gia TP. HCM                                                                               | 0 – 1,0                                         |
| 8.  | Sinh học                                                                                            | 0866-7160                                              | Tạp chí        | Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam                                                                       | 0 – 1,0                                         |
| 9.  | Công nghệ Sinh học                                                                                  | 1811-4989                                              | Tạp chí        | Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam                                                                       | 0 – 1,0                                         |
| 10. | Journal of Science, Technology and Engineering                                                      | 2525-2461                                              | Tạp chí<br>ACI | Bộ Khoa học và Công nghệ                                                                          | 0 – 0,5 từ 2019<br>0 – 1,0 từ 2020              |
| 11. | Khoa học: Khoa học Tự nhiên                                                                         | 1859-1388                                              | Tạp chí        | Đại học Huế                                                                                       | 0 – 0,5<br>0 – 0,75 từ 2016                     |
| 12. | Khoa học và Công nghệ                                                                               | 1859-2171<br>e-2615-9562                               | Tạp chí        | Đại học Thái nguyên                                                                               | 0 – 0,5<br>0 – 0,75 từ 2016                     |
| 13. | Khoa học và Công nghệ Việt Nam (B)                                                                  | 1859-4794                                              | Tạp chí        | Bộ Khoa học và Công nghệ                                                                          | 0 – 0,25<br>0 – 0,5 từ 2017<br>0 – 0,75 từ 2020 |
| 14. | Khoa học                                                                                            | 0868-3719                                              | Tạp chí        | Trường ĐH Sư phạm Hà Nội                                                                          | 0 – 0,5<br>0 – 0,75 từ 2020                     |
| 15. | Hóa học (Vietnam Journal of Chemistry)                                                              | 0866-7144                                              | Tạp chí        | Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam                                                                       | 0 – 0,5                                         |
| 16. | Di truyền học và ứng dụng                                                                           | 0866-8566                                              | Tạp chí        | Hội Di truyền học VN                                                                              | 0 – 0,5                                         |
| 17. | Khoa học                                                                                            | 1859-2333                                              | Tạp chí        | Trường ĐH Cần Thơ                                                                                 | 0 – 0,5                                         |
| 18. | Khoa học                                                                                            | 1859-2228                                              | Tạp chí        | Trường ĐH Vinh                                                                                    | 0 – 0,5                                         |



Kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

|     |                                                                                                                                                                      |                                       |         |                                            |         |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------|--------------------------------------------|---------|
| 19. | Khoa học và Công nghệ các trường đại học kỹ thuật                                                                                                                    | 2354-1083                             | Tạp chí | Trường ĐH Bách khoa Hà Nội                 | 0 – 0,5 |
| 20. | Khoa học và Công nghệ Biển                                                                                                                                           | 1859-3097                             | Tạp chí | Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam              | 0 – 0,5 |
| 21. | Khoa học và Công nghệ Thủy sản                                                                                                                                       | 1859-2252                             | Tạp chí | Trường ĐH Nha Trang                        | 0 – 0,5 |
| 22. | Khoa học kỹ thuật Nông – Lâm nghiệp                                                                                                                                  | 1859-1523                             | Tạp chí | Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM                 | 0 – 0,5 |
| 23. | Khoa học và Phát triển                                                                                                                                               | 1859-0004                             | Tạp chí | Học viện Nông nghiệp Việt Nam              | 0 – 0,5 |
| 24. | Sinh lý học                                                                                                                                                          | 1859-2376                             | Tạp chí | Tổng hội Y học VN, Hội Sinh lý học VN      | 0 – 0,5 |
| 25. | Phân tích Hoá, Lý và Sinh học                                                                                                                                        | 0868-3224                             | Tạp chí | Hội KHKT Phân tích Hóa – Lý – Sinh VN      | 0 – 0,5 |
| 26. | Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam                                                                                                                           | 1859-1558                             | Tạp chí | Viện Khoa học Nông nghiệp VN               | 0 – 0,5 |
| 27. | Bảo vệ thực vật                                                                                                                                                      | 0868-2801                             | Tạp chí | Viện Bảo vệ Thực vật – Cục Bảo vệ Thực vật | 0 – 0,5 |
| 28. | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tên cũ: Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp; Nông nghiệp và công nghiệp Thực phẩm, Lâm nghiệp, Thủy lợi, Kinh tế nông nghiệp) | Mới:<br>1859-4581<br>Cũ:<br>0866-7020 | Tạp chí | Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn     | 0 – 0,5 |
| 29. | Dược liệu                                                                                                                                                            | 0868-3859                             | Tạp chí | Viện Dược liệu, Bộ Y tế                    | 0 – 0,5 |
| 30. | Dược học                                                                                                                                                             | 0866-7861                             | Tạp chí | Bộ Y tế                                    | 0 – 0,5 |
| 31. | Nghiên cứu Y học                                                                                                                                                     | 0868-202X                             | Tạp chí | Trường ĐH Y Hà Nội                         | 0 – 0,5 |
| 32. | Phòng chống sốt rét và các bệnh ký sinh trùng                                                                                                                        | 0868-3735                             | Tạp chí | Viện SR, KST & CT                          | 0 – 0,5 |
| 33. | Y học TP. HCM                                                                                                                                                        | 1859-1779                             | Tạp chí | ĐH Y Dược TP. HCM                          | 0 – 0,5 |
| 34. | Khoa học Lâm nghiệp                                                                                                                                                  | 1859 – 0373                           | Tạp chí | Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam          | 0 – 0,5 |
| 35. | Khoa học & Công nghệ                                                                                                                                                 | 1859-1531                             | Tạp chí | Đại học Đà Nẵng                            | 0 – 0,5 |



Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

|     |                                                        |                          |         |                                           |                             |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------------------|---------|-------------------------------------------|-----------------------------|
| 36. | Khoa học và Công nghệ<br>(tên cũ: Đại học Công nghiệp) | 2525-2267                | Tạp chí | Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM             | 0 – 0,5                     |
| 37. | Khoa học                                               | 1859-3100                | Tạp chí | Trường ĐH Sư phạm TP. HCM                 | 0 – 0,5                     |
| 38. | Khoa học và Công nghệ Nhiệt đới                        | 0866-7535                | Tạp chí | Trung tâm Nhiệt đới Việt – Nga            | 0 – 0,5 từ 2016             |
| 39. | Khoa học                                               | 0866-787X                | Tạp chí | Trường Đại học Đà Lạt                     | 0 – 0,5 từ 2019             |
| 40. | Khoa học: Khoa học Y- Dược                             | 2615-9309<br>e-2588-1132 | Tạp chí | ĐH Quốc gia Hà Nội                        | 0–0,5                       |
| 41. | Rừng và Môi trường                                     | 1859-1248                | Tạp chí | Hội khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp Việt Nam | 0 – 0,25                    |
| 42. | Y học Việt Nam                                         | 1859-1868                | Tạp chí | Tổng hội Y học VN                         | 0 – 0,25                    |
| 43. | Y học thực hành                                        | 1859-1663                | Tạp chí | Bộ Y tế                                   | 0 – 0,25                    |
| 44. | Y Dược học cổ truyền Việt Nam                          | 1859-1752                | Tạp chí | Bệnh viện Y học Cổ truyền Trung ương      | 0 – 0,25                    |
| 45. | Khoa học – Kỹ thuật Thú Y                              | 1859-4751                | Tạp chí | Hội KHKT Thú y Việt Nam                   | 0 – 0,25                    |
| 46. | Khoa học – Kỹ thuật Chăn nuôi                          | 1859-476X                | Tạp chí | Hội KHKT Chăn nuôi Việt Nam               | 0 – 0,25                    |
| 47. | Tài nguyên và Môi trường                               | 1859-1477                | Tạp chí | Bộ Tài nguyên và Môi trường               | 0 – 0,25                    |
| 48. | Khoa học Đại học Sài Gòn                               | 1859-3208                | Tạp chí | Trường ĐH Sài Gòn                         | 0 – 0,25                    |
| 49. | Khoa học Công nghệ và Thực phẩm                        | 0866-8132                | Tạp chí | Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM   | 0 – 0,25<br>0 – 0,5 từ 2020 |
| 50. | Khoa học                                               | 1859-3453                | Tạp chí | Trường ĐH Mở TP. HCM                      | 0 – 0,25                    |
| 51. | Khoa học (Tên cũ: Khoa học & Giáo dục)                 | 1859-1612                | Tạp chí | Trường ĐH Sư phạm, ĐH Huế                 | 0 – 0,25 từ 2016            |
| 52. | Khoa học                                               | 1859-2325                | Tạp chí | Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2                | 0 – 0,25 từ 2016            |
| 53. | Môi trường                                             | 1859-042X                | Tạp chí | Tổng Cục Môi trường                       | 0 – 0,25 từ 2017            |
| 54. | Khoa học Đất                                           | 0868-3743                | Tạp chí | Hội Khoa học Đất Việt Nam                 | 0 – 0,25 từ 2017            |



Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

|     |                                                      |                           |         |                                                     |                  |
|-----|------------------------------------------------------|---------------------------|---------|-----------------------------------------------------|------------------|
| 55. | Khoa học                                             | 1859-4611                 | Tạp chí | Trường ĐH Tây Nguyên                                | 0 – 0,25 từ 2017 |
| 56. | Khoa học Đại học Thủ Dầu Một                         | 1859-4433                 | Tạp chí | Trường ĐH Thủ Dầu Một                               | 0 – 0,25 từ 2017 |
| 57. | Khoa học                                             | 2354-1091                 | Tạp chí | Trường ĐH Tây Bắc                                   | 0 – 0,25 từ 2017 |
| 58. | Khoa học                                             | 1859-0357                 | Tạp chí | Trường Đại học Quy Nhơn                             | 0 – 0,25 từ 2019 |
| 59. | Khoa học và Công nghệ                                | 2354-0842                 | Tạp chí | Trường ĐH Khoa học-Đại học Huế                      | 0 – 0,25 từ 2019 |
| 60. | Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân                | 1859-4905                 | Tạp chí | Trường Đại học Duy Tân                              | 0 – 0,25 từ 2019 |
| 61. | Khoa học ĐH Huế: Nông nghiệp và phát triển nông thôn | 2588-1191                 | Tạp chí | Đại học Huế                                         | 0 – 0,25 từ 2019 |
| 62. | Khoa học Đại học Huế: Kỹ thuật và Công nghệ          | 2588-1175<br>e- 2615-9732 | Tạp chí | Đại học Huế                                         | 0 – 0,25 từ 2020 |
| 63. | Kiểm nghiệm và An toàn thực phẩm                     | 2615-9252                 | Tạp chí | Viện Kiểm nghiệm An toàn vệ sinh Thực phẩm Quốc gia | 0 – 0,25 từ 2020 |

**Ghi chú:**

(\*) Nội dung bài báo bảo đảm học thuật, hợp hiến và hợp pháp.

(\*\*) Có HD Biên tập quốc tế, bài đăng có chuyên môn phù hợp; HĐGS ngành Sinh học có thể xem xét tính vượt quá 1,0 điểm đối với những bài báo đăng trên tạp chí có chất lượng cao hơn tạp chí hàng đầu của quốc gia).

**c) Nhà xuất bản có uy tín**

- Nhà xuất bản quốc tế có uy tín: HĐGS ngành Sinh học xem xét và quyết định từng trường hợp cụ thể căn cứ tiêu chuẩn NXB có uy tín theo Quyết định 37/2018-QĐ-TTg.

- Các nhà xuất bản uy tín trong nước: Khoa học và Kỹ thuật; Giáo dục Việt Nam; Y học; Nông nghiệp; Khoa học Tự nhiên và Công nghệ; ĐH Quốc gia Hà Nội; ĐH Quốc gia TpHCM; ĐH Đà Nẵng; ĐH Huế; ĐH Thái Nguyên; ĐH Sư phạm; Học viện Nông nghiệp; các nhà xuất bản khác do HĐGS ngành Sinh học quyết định (không tính các NXB địa phương).